ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ ĐẠI ĐỒNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 38 /TB-UBND	*Đại Đồng, ngày 29 tháng 4 năm 2026*

THÔNG BÁO

Giao kế hoạch dư nợ năm 2026

Kính gửi: Ông (bà) Trưởng thôn.

Căn cứ Quyết định số 264/QĐ-BĐD ngày 16/03/2026 của Trưởng Ban đại diện Hội đồng quản trị Ngân hàng Chính sách xã hội (NHCSXH) tỉnh Hưng Yên về việc giao kế hoạch tín dụng năm 2026 cho các xã;

Căn cứ tổng hợp nhu cầu vốn tín dụng chính sách tại thôn.

Ủy ban nhân dân xã thông báo giao kế hoạch dư nợ năm 2026 của thôn theo danh mục đính kèm.

Đề nghị ông (bà) Trưởng thôn căn cứ thông báo này để chỉ đạo các Tổ tiết kiệm và vay vốn trong thôn tổ chức bình xét cho vay và lập hồ sơ vay vốn theo quy định của NHCSXH. Việc bình xét cho vay phải đảm bảo công khai, dân chủ, đúng đối tượng và có sự tham gia giám sát của Trưởng thôn, đại diện lãnh đạo của tổ chức chính trị - xã hội nhận ủy thác.

Trên đây là chỉ tiêu kế hoạch dư nợ năm 2026 được Ủy ban nhân dân xã Đại Đồng phê duyệt, đề nghị ông (bà) Trưởng thôn nghiêm túc thực hiện./.

Nơi nhận:
- PGD NHCSXH Văn Lâm;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

U.B.N.D XÃ ĐẠI ĐỒNG T.HƯNG YÊN

Ký bởi: ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ ĐẠI ĐỒNG
Cơ quan: ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN

Tôn Ngọc Chuẩn

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ ĐẠI ĐỒNG

DANH MỤC GIAO
CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH DƯ NỢ NGUỒN VỐN TRUNG ƯƠNG NĂM 2026

(Kèm theo Thông báo số 38 /TB-UBND ngày 29 /4 / 2026 của UBND xã Đại Đồng)

Đơn vị: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Điều chỉnh tăng/giảm	Chỉ tiêu kế hoạch năm 2025
	Thôn Cự Đình	**-189**	**3.174**
1	Cho vay Hộ nghèo	-50	30
2	Cho vay Hộ cận nghèo	0	100
3	Cho vay Hộ mới thoát nghèo	-260	583
4	Cho vay cấp NS&VSMT	56	1.866
5	Cho vay Học sinh sinh viên có HCKK	-35	155
6	Cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì, mở rộng việc làm	100	440
	Thôn Đồng Chung	**-104**	**8.555**
1	Cho vay Hộ nghèo	-210	259
2	Cho vay Hộ cận nghèo	0	530
3	Cho vay Hộ mới thoát nghèo	-234	718
4	Cho vay cấp NS&VSMT	140	4.470
5	Cho vay Học sinh sinh viên có HCKK	100	848
6	Cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì, mở rộng việc làm	100	1.730
	Thôn Ga	**-30**	**550**
1	Cho vay Hộ nghèo	0	0

2	Cho vay Hộ cận nghèo	0	150
3	Cho vay Hộ mới thoát nghèo	0	50
4	Cho vay cấp NS&VSMT	0	240
5	Cho vay Học sinh sinh viên có HCKK	-30	10
6	Cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì, mở rộng việc làm	0	100
	Thôn Mễ Đậu	**-40**	**8.560**
1	Cho vay Hộ nghèo	-100	330
2	Cho vay Hộ cận nghèo	0	450
3	Cho vay Hộ mới thoát nghèo	-470	1.091
4	Cho vay cấp NS&VSMT	80	3.996
5	Cho vay Học sinh sinh viên có HCKK	100	568
6	Cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì, mở rộng việc làm	350	2.125
	Thôn Phả Lê	**-116**	**5.527**
1	Cho vay Hộ nghèo	0	300
2	Cho vay Hộ cận nghèo	0	378
3	Cho vay Hộ mới thoát nghèo	-349	994
4	Cho vay cấp NS&VSMT	133	2.750
5	Cho vay Học sinh sinh viên có HCKK	100	425
6	Cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì, mở rộng việc làm	0	680
	Thôn Sầm Khúc	**160**	**6.932**
1	Cho vay Hộ nghèo	0	40

2	Cho vay Hộ cận nghèo	0	435
3	Cho vay Hộ mới thoát nghèo	-357	822
4	Cho vay cấp NS&VSMT	117	4.089
5	Cho vay Học sinh sinh viên có HCKK	200	456
6	Cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì, mở rộng việc làm	200	1.090
	Thôn Thanh Miếu	**-82**	**3.254**
1	Cho vay Hộ nghèo	0	50
2	Cho vay Hộ cận nghèo	-157	303
3	Cho vay Hộ mới thoát nghèo	-250	338
4	Cho vay cấp NS&VSMT	125	1.913
5	Cho vay Học sinh sinh viên có HCKK	200	320
6	Cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì, mở rộng việc làm	0	330
	Thôn Thục Cầu	**16**	**3.459**
1	Cho vay Hộ nghèo	0	95
2	Cho vay Hộ cận nghèo	-30	250
3	Cho vay Hộ mới thoát nghèo	-200	206
4	Cho vay cấp NS&VSMT	96	1.933
5	Cho vay Học sinh sinh viên có HCKK	100	275
6	Cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì, mở rộng việc làm	50	700
	Thôn Xuân Đông	**-49**	**6.520**
1	Cho vay Hộ nghèo	0	679
2	Cho vay Hộ cận nghèo	-50	408

3	Cho vay Hộ mới thoát nghèo	-478	1.371
4	Cho vay cấp NS&VSMT	79	3.010
5	Cho vay Học sinh sinh viên có HCKK	100	225
6	Cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì, mở rộng việc làm	300	827
	Thôn Lộng Thượng	**-364**	**3.906**
1	Cho vay Hộ nghèo	0	300
2	Cho vay Hộ cận nghèo	-50	0
3	Cho vay Hộ mới thoát nghèo	-443	584
4	Cho vay cấp NS&VSMT	-71	1.802
5	Cho vay Học sinh sinh viên có HCKK	0	20
6	Cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì, mở rộng việc làm	200	1.200
	Thôn Đại Từ	**-448**	**11.940**
1	Cho vay Hộ nghèo	-36	194
2	Cho vay Hộ cận nghèo	-45	422
3	Cho vay Hộ mới thoát nghèo	-550	2.640
4	Cho vay cấp NS&VSMT	22	5.275
5	Cho vay Học sinh sinh viên có HCKK	61	414
6	Cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì, mở rộng việc làm	100	2.995
	Thôn Văn Ổ	**86**	**13.518**
1	Cho vay Hộ nghèo	0	641
2	Cho vay Hộ cận nghèo	-51	340
3	Cho vay Hộ mới thoát nghèo	-302	2.306

4	Cho vay cấp NS&VSMT	295	6.682
5	Cho vay Học sinh sinh viên có HCKK	144	1.273
6	Cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì, mở rộng việc làm	0	2.276
	Thôn Đại Đồng	**-196**	**5.517**
1	Cho vay Hộ nghèo	0	510
2	Cho vay Hộ cận nghèo	-40	180
3	Cho vay Hộ mới thoát nghèo	-328	1.350
4	Cho vay cấp NS&VSMT	140	2.332
5	Cho vay Học sinh sinh viên có HCKK	32	276
6	Cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì, mở rộng việc làm	0	869
	Thôn Đại Bi	**207**	**2.626**
1	Cho vay Hộ nghèo	0	50
2	Cho vay Hộ cận nghèo	-47	0
3	Cho vay Hộ mới thoát nghèo	-100	260
4	Cho vay cấp NS&VSMT	154	1.222
5	Cho vay Học sinh sinh viên có HCKK	0	0
6	Cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì, mở rộng việc làm	200	1.094
	Thôn Đình Tổ	**496**	**2.641**
1	Cho vay Hộ nghèo	0	100
2	Cho vay Hộ cận nghèo	0	100
3	Cho vay Hộ mới thoát nghèo	0	747

4	Cho vay cấp NS&VSMT	296	1.226
5	Cho vay Học sinh sinh viên có HCKK	0	188
6	Cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì, mở rộng việc làm	200	280
	Thôn Đồng Xá	**48**	**5.990**
1	Cho vay Hộ nghèo	-50	650
2	Cho vay Hộ cận nghèo	-50	550
3	Cho vay Hộ mới thoát nghèo	0	1.300
4	Cho vay cấp NS&VSMT	128	1.845
5	Cho vay Học sinh sinh viên có HCKK	-80	655
6	Cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì, mở rộng việc làm	100	990
	Thôn Đồng Xá mới	**-76**	**2.116**
1	Cho vay Hộ nghèo	-4	116
2	Cho vay Hộ cận nghèo	36	436
3	Cho vay Hộ mới thoát nghèo	-205	342
4	Cho vay cấp NS&VSMT	97	1.052
5	Cho vay Học sinh sinh viên có HCKK	0	0
6	Cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì, mở rộng việc làm	0	170
	Thôn Lương Tài	**-263**	**2.639**
1	Cho vay Hộ nghèo	0	130
2	Cho vay Hộ cận nghèo	0	250
3	Cho vay Hộ mới thoát nghèo	-170	150
4	Cho vay cấp NS&VSMT	-93	1.601

5	Cho vay Học sinh sinh viên có HCKK	0	198
6	Cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì, mở rộng việc làm	0	310
	Thôn Phú Tân	**22**	**5.429**
1	Cho vay Hộ nghèo	0	150
2	Cho vay Hộ cận nghèo	0	408
3	Cho vay Hộ mới thoát nghèo	-200	383
4	Cho vay cấp NS&VSMT	222	3.223
5	Cho vay Học sinh sinh viên có HCKK	0	200
6	Cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì, mở rộng việc làm	0	1.065
	Thôn Nghi Lương	**-153**	**4.734**
1	Cho vay Hộ nghèo	0	100
2	Cho vay Hộ cận nghèo	0	230
3	Cho vay Hộ mới thoát nghèo	-222	330
4	Cho vay cấp NS&VSMT	61	2.737
5	Cho vay Học sinh sinh viên có HCKK	8	367
6	Cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì, mở rộng việc làm	0	970
	Thôn Mậu Lương	**-70**	**2.303**
1	Cho vay Hộ nghèo	0	100
2	Cho vay Hộ cận nghèo	-46	304
3	Cho vay Hộ mới thoát nghèo	0	200
4	Cho vay cấp NS&VSMT	-24	1.250

5	Cho vay Học sinh sinh viên có HCKK	0	99
6	Cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì, mở rộng việc làm	0	350
	Thôn Đông Trại	**-74**	**2.238**
1	Cho vay Hộ nghèo	0	148
2	Cho vay Hộ cận nghèo	0	250
3	Cho vay Hộ mới thoát nghèo	0	195
4	Cho vay cấp NS&VSMT	-74	1.034
5	Cho vay Học sinh sinh viên có HCKK	0	211
6	Cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì, mở rộng việc làm	0	400
	Thôn Xuân Đào	**-173**	**3.111**
1	Cho vay Hộ nghèo	0	100
2	Cho vay Hộ cận nghèo	-70	180
3	Cho vay Hộ mới thoát nghèo	-60	107
4	Cho vay cấp NS&VSMT	-43	1.477
5	Cho vay Học sinh sinh viên có HCKK	0	337
6	Cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì, mở rộng việc làm	0	910
	Thôn Khuốc Bến	**52**	**4.215**
1	Cho vay Hộ nghèo	0	280
2	Cho vay Hộ cận nghèo	0	230
3	Cho vay Hộ mới thoát nghèo	-169	160
4	Cho vay cấp NS&VSMT	121	2.321

5	Cho vay Học sinh sinh viên có HCKK	0	304
6	Cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì, mở rộng việc làm	100	920
	Thôn Nhật Tảo	**-171**	**3.533**
1	Cho vay Hộ nghèo	0	150
2	Cho vay Hộ cận nghèo	0	230
3	Cho vay Hộ mới thoát nghèo	-153	147
4	Cho vay cấp NS&VSMT	-18	1.702
5	Cho vay Học sinh sinh viên có HCKK	0	154
6	Cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì, mở rộng việc làm	0	1.150
	Thôn Khuyến Thiện	**-89**	**1.353**
1	Cho vay Hộ nghèo	-50	0
2	Cho vay Hộ cận nghèo	0	0
3	Cho vay Hộ mới thoát nghèo	0	0
4	Cho vay cấp NS&VSMT	-39	1.143
5	Cho vay Học sinh sinh viên có HCKK	0	0
6	Cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì, mở rộng việc làm	0	210
	TỔNG	**-1.600**	**124.340**